Đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến chia sẻ chi phí đào tạo đại học ở Việt Nam

HOÀNG THANH HUYỀN*

Tóm tắt

Thời gian qua, Việt Nam đã thực hiện các biện pháp để vừa giải quyết vấn đề tài chính cho đào tạo đại học (ĐTĐH), vừa nâng cao chất lượng ĐTĐH, nhằm đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong bối cảnh đó, chia sẻ chi phí ĐTĐH được coi như giải pháp phù hợp trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, thông qua dịch chuyển dần gánh nặng tài chính từ phía Nhà nước sang phía người học và gia đình người học. Bài viết phân tích và đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến chia sẻ chi phí ĐTĐH ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, kiến nghị một số giải pháp để thực hiện chia sẻ chi phí ĐTĐH ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: *vấn đề tài chính, đào tạo đại học, chi phí đào tạo đại học*

Summary

Vietnam has recently taken measures to both solve the financial problem and improve the quality of higher education to meet the requirements of high-quality human resources in the Fourth Industrial Revolution. Cost sharing in higher education is considered as a proper solution in the current context, which gradually shifts the financial burden from the state to the learners and their families. This article analyzes and measures factors affecting cost sharing in higher education in Vietnam, then proposes some schemes to implement cost sharing in higher education in Vietnam in the coming time.

Keywords: *financial problems, higher education, higher education costs*

GIỚI THIỆU

Thời gian qua, Chính phủ Việt Nam đã thực hiện các biện pháp để vừa giải quyết vấn đề tài chính cho ĐTĐH, vừa nâng cao chất lượng ĐTĐH đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh đó, chia sẻ chi phí ĐTĐH được coi như giải pháp phù hợp trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, thông qua dịch chuyển dần gánh nặng tài chính từ phía Nhà nước sang phía người học và gia đình người học. Vì vậy, việc đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến chia sẻ chi phí ĐTĐH ở Việt Nam, từ đó kiến nghị một số giải pháp trong thời gian tới là cần thiết.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Theo Johnstone (2004), chia sẻ chi phí ĐTĐH "hàm ý sự dịch chuyển một phần gánh nặng chi phí ĐTĐH từ chỗ "trông cậy" hoàn toàn hoặc gần như hoàn toàn vào chính phủ, thực chất là những người đóng thuế, sang một số nguồn cung cấp tài chính khác nhờ vào phụ huynh và/hoặc sinh viên, dưới dạng học phí hoặc phí sử dụng, nhằm chi trả toàn bộ các chi phí cho cơ sở vật chất và đội ngũ giảng dạy mà cơ sở giáo dục hay chính phủ cung cấp trước đây".

Còn Phạm Phụ (2012) cho rằng, chia sẻ chi phí là khái niệm đề cập đến tỷ lệ đóng góp trong chi phí cho một sinh viên đại học giữa: (1) Ngân sách nhà nước (NSNN); (2) Phần người học chi trả; và (3) Phần đóng góp của cộng đồng.

Các nhân tố ảnh hưởng đến chia sẻ chi phí ĐTĐH ở Việt Nam

Nhóm nhân tố xu thế phát triển của GDĐH trên thế giới

Giáo dục đại học (GDĐH) ngày nay không còn là thứ dịch vụ xa xỉ, chỉ dành cho số ít những người trong xã hội, mà GDĐH đang dần trở nên "đại chúng" hơn. Chính vì vậy, chi phí cho GDĐH nói chung, đào tạo trình độ đại học nói riêng không thể chỉ trông cậy vào NSNN, mà cần có sự chia sẻ của các bên liên quan. Hơn thế nữa, ĐTĐH còn được coi là một lĩnh vực đầu

* ThS. NCS., Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày nhận bài: 31/3/2022; Ngày phản biện: 10/4/2022; Ngày duyệt đăng: 20/4/2022

tư (đầu tư vốn nhân lực). Đây chính là lý do khiến nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở GDĐH, gia đình và người học ngày càng sẵn sàng đầu tư nguồn lực nhiều hơn cho GDĐH (Đặng Thị Minh Hiền, 2016).

Thực tế cho thấy, NSNN dành cho GDĐH gần như không tăng lên, thậm chí còn giảm đi tương đối so với các cấp học khác (với mục tiêu chính là ưu tiên cho giáo dục phổ cập). Do đó, việc chuyển một phần gánh nặng chi phí GDĐH từ ngân sách sang phía người học là điều không thể tránh khỏi (thông qua tăng học phí) để đảm bảo vừa đáp ứng được nhu cầu đào tạo, vừa đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng GDĐH (Johnstone, 2004).

Nhóm nhân tố cơ chế tài chính

Những đổi mới của cơ chế tài chính cho GDĐH chính là nhân tố tác động tới chia sẻ chi phí GDĐH. Điều này đã được khẳng định trong nhiều công trình nghiên cứu và các văn bản của Nhà nước. Nghiên cứu của Đặng Thị Minh Hiền (2016) đã chỉ ra rằng, Nhà nước thông qua cơ chế tài chính và chính sách vĩ mô có thể tác động (tức thì) tới mức học phí hộ gia đình phải chi trả cho GDĐH, hay mức trợ cấp, học bổng và các khoản giảm trừ khác mà người học có thể nhận được và do đó tác động tới mức chia sẻ chi phí GDĐH của các bên liên quan.

Bên cạnh đó, đổi mới cơ chế tài chính theo hướng tăng cường tự chủ cho các trường đại học còn tạo điều kiện cho các trường đại học có quyền tự chủ ngày càng cao trong việc sử dụng nguồn NSNN, tự chủ trong việc khai thác và sử dụng các nguồn thu, phát huy tiềm năng về cơ sở vật chất, tài sản hiện có, đội ngũ giảng viên... (Lê Thị Minh Ngọc, 2017).

Nhóm nhân tố đặc điểm nhà trường

Theo trường phái Kinh tế tự do mới, việc thu phí dịch vụ đối với người học/phụ huynh sẽ giúp thúc đẩy tính cạnh tranh và hiệu quả.

Nguyễn Văn Áng (2009) cho rằng, một trong các yếu tố tác động đến chi phí GDĐH là ngành/nhóm ngành đào tạo; ngoài ra, còn có các yếu tố khác, như: quy mô đào tạo, chất lượng đào tạo, trình độ giảng viên, vùng, miền, khu vực, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện dạy học... cũng có ảnh hưởng đến chi phí GDĐH và do đó có thể ảnh hưởng đến chia sẻ chi phí GDĐH ở các cơ sở GDĐH công lập.

Nhóm nhân tố đặc điểm người học và gia đình

Nghiên cứu của Lê Thị Minh Ngọc (2017) cũng chỉ ra rằng một quốc gia có trình độ dân trí và thu nhập của người dân tốt thường có xu hướng theo học và sẵn sàng chi trả chi phí cho các bậc GDĐH cao hơn so với các quốc gia khác. Theo Johnstone và Wilkins (2002) (trích trong Đặng Thị Minh Hiền, 2016), những khả năng bẩm sinh hay yếu tố di truyền từ gia đình giải thích được khoảng từ 15% đến 33% lợi ích tăng thêm mà giáo dục mang lại cho người học.

Mô hình nghiên cứu đề xuất

Trên cơ sở tổng quan kết quả của một số công trình nghiên cứu trước đây, đồng thời kết hợp với việc tham vấn ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính GDĐH, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như Hình.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng 2 phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng. Trong đó, phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng để đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chia sẻ chi phí GDĐH ở Việt Nam. Đối tượng khảo sát là ban giám hiệu, trưởng phòng, phó phòng và cán bộ phòng tài chính của 33 trường đại học công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và 20 trường thành viên thuộc 3 đại học (Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng). Như vậy, đối tượng điều tra là 53 trường đại học công lập.

Trong cuộc khảo sát chính thức, có 260 phiếu khảo sát được gửi tới những người được hỏi. Thời gian thực hiện khảo sát là từ tháng 3/2019 đến tháng 7/2019. Sau khi loại bỏ những phiếu không hợp lệ do thiếu thông tin hoặc thông tin không đầy đủ, có 238 phiếu trả lời là hợp lệ, tiếp tục được tổng hợp và đưa vào phân tích định lượng.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả đánh giá độ tin cậy của thang đo

Kết quả tính toán cho thấy, thành phần "Chia sẻ chi phí GDĐH" có hệ số Cronbach's Alpha là 0,873, là thang đo lường tốt. Đồng thời, các biến quan sát thuộc thành phần này đều có hệ số tương quan biến-tổng từ 0,545 đến 0,699 (đều > 0,3), nghĩa là các thang đo đều đạt yêu cầu.

Đối với các biến độc lập trong mô hình, kết quả cho thấy, các nhóm nhân tố "Xu thế phát triển", "Cơ chế tài chính", "Đặc điểm nhà trường", "Đặc điểm người học" đều có hệ số Cronbach's Alpha > 0,63, nghĩa là các thang đo đều đạt yêu cầu theo tiêu chí đã nêu tại phần lý thuyết.

Tuy nhiên, khi đi sâu nghiên cứu từng nhóm nhân tố, kết quả cho thấy, một số nhóm biến tuy có hệ số Cronbach's Alpha của toàn bộ tổng thể > 0,63 (đạt yêu cầu), nhưng trong nhóm đó, lại có một số biến quan sát có hệ số tương quan biến - tổng < 0,3 và hệ số nếu loại biến lớn hơn Cronbach's Alpha của toàn bộ thang đo, nên cần loại các biến này ra khỏi các nhân tố. Như vậy, sau khi loại

bỏ các biến XTPT3, XTPT4, CCTC5, DDNT5 ra khỏi mô hình, 19 biến quan sát còn lại tiếp tục được đưa vào thực hiện phân tích nhân tố khám phá (EFA).

Kết quả phân tích EFA

Kết quả phân tích EFA cho biến phụ thuộc

Kết quả kiểm định tính thích hợp của mô hình phân tích nhân tố EFA cho thấy: hệ số KMO có giá trị = 0,706, thỏa mãn điều kiện 0,5 < KMO < 1. Như vậy, phân tích nhân tố là phù hợp với dữ liệu thực tế. Kết quả kiểm định Bartlett có giá trị Sig. = 0,00 < 0,05. Bác bỏ giả thuyết H_0 (giả thuyết H_0: các biến quan sát không có tương quan với nhau), nghĩa là các biến quan sát có tương quan với nhau trong nhóm nhân tố này.

Kiểm định giá trị tổng phương sai cho thấy giá trị tổng phương sai trích (Total Variance Explained) có giá trị là 60,782% > 50%, thể hiện trên 1 yếu tố, đạt mức yêu cầu.

Kết quả phân tích EFA cho các biến độc lập

Kết quả phân tích EFA lần thứ ba cho thấy, có 4 nhân tố được rút trích, đại diện cho 15 biến quan sát và tất cả các biến đều có hệ số tải nhân tố > 0,5 (đạt mức yêu cầu). Giá trị tổng phương sai trích đạt 68,163%, do vậy các thang đo rút ra được chấp nhận. Hệ số KMO = 0,843 > 0,05, kiểm định Bartlett có giá trị Sig. = 0,00 < 0,05. Điểm dừng khi rút trích nhân tố thứ tư cóEeigenvalue = 1,054, đạt yêu cầu.

Từ kết quả ma trận xoay nhân tố, có 4 nhân tố được rút trích, đại diện cho 15 biến quan sát, được sắp xếp theo mức độ quan trọng lần lượt là: (1) Cơ chế tài chính cho GDĐH (FAC1_4); (2) Xu thế phát triển của GDĐH trên thế giới (FAC2_4); (3) Đặc điểm của nhà trường (FAC3_4); (4) Đặc điểm của người học và gia đình (FAC4_4).

Kết quả phân tích hồi quy

Kết quả kiểm định mức độ phù hợp của mô hình cho biết hệ số xác định R^2 có giá trị là 0,896 với mức ý nghĩa 1%, nghĩa là các nhân tố trong mô hình nghiên cứu giải thích được 89,6% sự thay đổi của chia sẻ chi phí GDĐH, còn 11,4% sự thay đổi được giải thích bởi các nhân tố khác ngoài mô hình.

Kết quả phân tích phương sai cho thấy, với độ tin cậy 99% kiểm định F có giá trị Sig. = 0,00 < 0,05, bác bỏ giả thuyết H_0 (giả thuyết H_0: $R^2 = 0$), nghĩa là mô hình hồi quy lý thuyết đã xây dựng phù hợp với dữ liệu thực tế. Hay là, các biến độc lập có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc trong mô hình.

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT

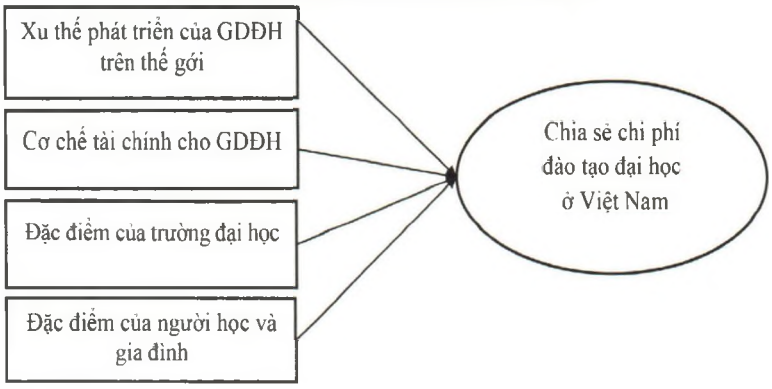

Nguồn: Tác giả đề xuất

Kết quả hồi quy đa biến cho thấy, giá trị Sig. kiểm định t của các biến độc lập: "Cơ chế tài chính cho GDĐH", "Xu thế phát triển của GDĐH trên thế giới", "Đặc điểm của nhà trường", "Đặc điểm của người học và gia đình" có giá trị Sig. < 0,05; nghĩa là bác bỏ giả thuyết H_0 (giả thuyết H_0: β_i=0). Như vậy, mối liên hệ giữa biến "Chia sẻ chi phí GDĐH" với 4 biến độc lập trên có ý nghĩa thống kê. Kết quả hồi quy thể hiện mối liên hệ giữa các biến độc lập "Cơ chế tài chính cho GDĐH" (FAC1_4), "Xu thế phát triển của GDĐH trên thế giới" (FAC2_4), "Đặc điểm của nhà trường" (FAC3_4), "Đặc điểm của người học và gia đình" (FAC4_4) với biến phụ thuộc "Chia sẻ chi phí GDĐH" (FAC1_1) được thể hiện qua Bảng.

Giá trị VIF của các biến độc lập trong mô hình đều < 10, nên không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập trong mô hình trên.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Kết quả nghiên cứu cho thấy, cả 4 nhân tố là (1) Cơ chế tài chính cho GDĐH; (2) Xu thế phát triển của GDĐH trên thế giới; (3) Đặc điểm của nhà trường; (4) Đặc điểm của người học và gia đình đều có tác động đến "Chia sẻ chi phí ĐTĐH" ở Việt Nam. Trong đó, nhân tố được coi là có ảnh hưởng mạnh nhất đó là "Đặc điểm của người học và gia đình" (chiếm 30,77%), tiếp theo là "Cơ chế tài chính cho GDĐH" (chiếm 28,92%), sau đó đến nhân tố "Xu thế phát triển của GDĐH trên thế giới" (chiếm 21,54%). Nhân tố "Đặc điểm của nhà trường" được coi là tác động yếu nhất tới "Chia sẻ chi phí GDĐH" ở Việt Nam (chiếm 18,77%).

Từ kết quả nghiên cứu và những phân tích ở trên, có thể thấy rằng thực hiện chia sẻ chi phí GDĐH là phù hợp với quá trình toàn cầu hóa và xu hướng phát triển trên thế giới, nhằm giảm gánh nặng lên NSNN và giải quyết các vấn đề tài chính cho GDĐH. Đồng thời, trong bối cảnh Việt Nam đang đặt ra mục tiêu nâng cao chất lượng GDĐH, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ

BẢNG: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỒI QUY ĐA BIẾN

Mô hình		Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
		B	Sai số chuẩn	Beta			Độ chấp nhận	VIF
1	(Constant)	,225	,021		10,733	,000		
	FAC1_4	,094	,021	,094	4,496	,000	1,000	1,000
	FAC2_4	,070	,021	,070	3,333	,001	1,000	1,000
	FAC3_4	,061	,021	,061	2,884	,004	1,000	1,000
	FAC4_4	,100	,021	,100	4,731	,000	1,000	1,000

a. Biến phụ thuộc: FAC1_1

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu khảo sát

tư và hội nhập quốc tế, thì việc thực hiện chia sẻ chi phí GDĐH thông qua dịch chuyển dần gánh nặng tài chính từ phía nhà nước sang phía người học và gia đình người học được coi là điều kiện cần để thực hiện được các mục tiêu trên. Tăng cường chia sẻ chi phí GDĐH cần có sự nỗ lực, chung tay góp sức của tất cả các bên liên quan, đó là Nhà nước - Nhà trường - Người học - Doanh nghiệp. Trong giai đoạn tới, để thực hiện chính sách chia sẻ chi phí GDĐH một cách có hiệu quả, Việt Nam cần thực hiện một số giải pháp sau đây:

Đối với Nhà nước, cần thực hiện đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách cho GDĐH, bao gồm: cơ chế cấp phát NSNN, cơ chế tài chính, chính sách học phí, chính sách hỗ trợ tài chính cho sinh viên... Hoàn thiện cơ chế tài chính cho GDĐH, trong đó tập trung nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý và chính sách nhằm tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở GDĐH trên cơ sở kết quả thử nghiệm ở một số cơ sở GDĐH. Một cơ chế tự chủ cho phép phát huy được hiệu quả bao giờ cũng phải có sự cân bằng hợp lý với trách nhiệm để tránh những rủi ro có thể xảy ra.

Đối với các trường đại học, nhất là đại học công lập, cần nâng cao năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Mục tiêu của việc tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm xã hội của các cơ sở GDĐH là tăng tính chủ động, linh hoạt, sự cam kết của nhà trường trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao tính cạnh tranh. Được thực hiện thông qua việc xây dựng và thực hiện các chiến lược, kế hoạch phát triển của nhà trường trong dài hạn, trung hạn và hàng năm; chủ động, tích cực trong việc tìm kiếm, thu hút các nguồn lực ngoài NSNN, đồng thời nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn vốn trong nhà trường đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu kế hoạch. Bên cạnh đó, cần chú trọng, đẩy mạnh các giải pháp marketing và truyền thông.

Đối với doanh nghiệp, tổ chức, các lực lượng xã hội khác, cần tăng cường hỗ trợ cho các cơ sở GDĐH, thông qua một số chương trình tín dụng thương mại, trợ cấp tài chính, trao học bổng, tạo việc làm thêm cho sinh viên. Bên cạnh đó, cần có chính sách, cơ chế rõ ràng cho doanh nghiệp khi tài trợ cho các hoạt động của nhà trường; Tăng cường hợp tác giữa doanh nghiệp với trường đại học, viện nghiên cứu...

Đối với người học và gia đình, cần có những nhận thức đúng đắn về những lợi ích mà giáo dục nói chung và GDĐH nói riêng đem lại. Người học cần nhận thức được những giá trị kinh tế và giá trị tinh thần của việc đầu tư cho GDĐH và coi đầu tư cho GDĐH chính là khoản đầu tư cho tương lai của người học, giúp họ tạo ra thu nhập cao hơn, ít thất nghiệp hơn và giúp họ có được cuộc sống tốt đẹp hơn. Đây được coi là yếu tố quan trọng nhất có ảnh hưởng đến chia sẻ chi phí GDĐH ở Việt Nam hiện nay.❑

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Áng (2009). *Xác định chi phí đào tạo đại học ở Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Mã số B2007-CTGD-07, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

2. Phùng Xuân Nhạ, Nguyễn Trường Giang (2016). *Đổi mới chính sách học phí và phân bổ ngân sách nhà nước cho GDĐH công lập Việt Nam dựa trên cách tiếp cận hiệu quả tài chính,* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

3. Đặng Thị Minh Hiền (2016). *Hiệu quả đầu tư cho GDĐH công lập ở Việt Nam theo cách tiếp cận phân tích lợi ích - chi phí*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội

4. Lê Thị Minh Ngọc (2017). *Đổi mới cơ chế tài chính đối với các trường đại học công lập ở Việt Nam,* Luận án tiến sĩ, Học viện Ngân hàng

5. Phạm Phụ (2012). *Đầu tư và chia sẻ chi phí trong GDĐH Việt Nam,* Chương trình Hội nghị lấy ý kiến hoàn thiện dự án Luật Giáo dục đại học, TP. Hồ Chí Minh, ngày 07/02/2012

6. Johnstone D. Bruce (2004). The economics and politics of cost sharing in higher education: comparartive perspectives, *Economics of Education Review*, 23, 403-410

7. Johnstone D. Bruce (2006). *Financing Higher Education: Cost-Sharing in International Perspective*, Boston, MA: Boston College Center for International Higher Education